

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp</b>	Số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 12 năm 2016.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Hoàng Ngọc Huân Ông Phạm Công Tú Ông Nguyễn Văn Ninh Ông Phạm Tiến Hiệp Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương Ông Hiroyuki Ono	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2017)
	Ông Tomohiro Fujita	Thành viên (miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2017)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Phạm Xuân Dương Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy Ông Đinh Trung Dũng	Trưởng ban Thành viên Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)
	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Tiến Hiệp Ông Nguyễn Thái Sơn	Giám đốc Phó Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc
<b>Trụ sở chính</b>	22 Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Chi nhánh</b>	159 Đường Đồng Khởi, Khu phố 6, Phường Tam Hiệp Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 22 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC Việt Nam



Hồ Ngọc Thăng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
2262-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Trần Thị Cẩm Tú  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
2713-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6728  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>112.651.908.951</b>	<b>106.932.288.867</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>14.521.170.495</b>	<b>29.580.286.979</b>
111	Tiền		10.256.170.495	9.325.286.979
112	Các khoản tương đương tiền		4.265.000.000	20.255.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>71.500.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	71.500.000.000	44.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>10.792.520.810</b>	<b>6.415.268.666</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.851.160.578	7.038.509.686
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		293.691.522	1.163.994.998
136	Phải thu ngắn hạn khác		2.089.061.968	654.157.240
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.441.393.258)	(2.441.393.258)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>15.838.217.646</b>	<b>25.267.720.673</b>
141	Hàng tồn kho	7	15.838.217.646	25.267.720.673
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>1.669.012.549</b>
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.669.012.549
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>174.367.467.082</b>	<b>164.564.012.219</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác		300.000.000	300.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>139.042.643.897</b>	<b>105.255.040.339</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	8	139.042.643.897	105.255.040.339
222	Nguyên giá		352.353.002.286	285.785.318.838
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(213.310.358.389)	(180.530.278.499)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		92.000.000	92.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(92.000.000)	(92.000.000)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>30.153.190.731</b>	<b>52.007.660.948</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	30.153.190.731	52.007.660.948
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.871.632.454</b>	<b>7.001.310.932</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	4.871.632.454	7.001.310.932
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>287.019.376.033</b>	<b>271.496.301.086</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>52.675.010.890</b>	<b>49.245.497.473</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>52.675.010.890</b>	<b>49.245.497.473</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	18.193.536.365	31.807.310.352
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	2.444.726.562
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	12	4.917.367.881	4.955.740.017
314	Phải trả người lao động		2.790.169.660	3.180.114.816
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		127.272.727	90.000.000
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	4.413.162.346	2.525.896.325
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	21.309.858.789	3.585.076.877
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		923.643.122	656.632.524
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>234.344.365.143</b>	<b>222.250.803.613</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>234.344.365.143</b>	<b>222.250.803.613</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15, 16	105.000.000.000	105.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.000.000.000	105.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	16	97.253.303.613	58.700.064.702
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	32.091.061.530	58.550.738.911
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		32.091.061.530	58.550.738.911
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>287.019.376.033</b>	<b>271.496.301.086</b>



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập



Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.307.512.232	160.561.464.206
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(600.600.000)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.307.512.232	159.960.864.206
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(88.687.118.818)	(78.191.993.780)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.620.393.414	81.768.870.426
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.291.060.737	3.867.646.690
25	Chi phí bán hàng	(1.136.408.830)	(1.325.176.169)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.954.219.545)	(10.198.967.132)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	63.820.825.776	74.112.373.815
31	Thu nhập khác	308.193.337	531.166.770
32	Chi phí khác	(127.153.760)	(30.116.946)
40	Lợi nhuận khác	181.039.577	501.049.824
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.001.865.353	74.613.423.639
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(12.825.803.823)	(14.922.684.728)
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.176.061.530	59.690.738.911
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.711	9.660



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập



Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>64.001.865.353</b>	<b>74.613.423.639</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	8 32.780.079.890	21.413.106.454
04	Lãi từ hoạt động đầu tư	21 (3.291.060.737)	(3.867.646.690)
05	Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	(9.883.058)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>93.490.884.506</b>	<b>92.149.000.345</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(2.708.239.595)	(2.887.287.147)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	9.429.503.027	(8.474.150.909)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(16.653.605.678)	2.035.398.321
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	2.129.678.478	(5.050.515.822)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12 (13.922.684.728)	(16.827.038.182)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	(2.369.719.672)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>71.765.536.010</b>	<b>58.575.686.934</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(44.713.213.231)	(84.268.746.703)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	40.000.000
23	Tiền gửi vào tài khoản có kỳ hạn tại ngân hàng	(40.500.000.000)	(16.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	13.000.000.000	14.000.000.000
27	Thu lãi cho vay	3.291.060.737	3.867.646.690
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(68.922.152.494)</b>	<b>(82.361.100.013)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	17 (17.902.500.000)	(32.634.770.149)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(17.902.500.000)</b>	<b>(32.634.770.149)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(15.059.116.484)</b>	<b>(56.420.183.228)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 <b>29.580.286.979</b>	<b>86.000.470.207</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 <b>14.521.170.495</b>	<b>29.580.286.979</b>

Giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày ở Thuyết minh 27.



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập



Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 12 năm 2016 nhằm mục đích thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động viễn thông có dây (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (chi tiết: lắp đặt trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình);
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (chi tiết: mua bán trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình);
- Lắp đặt hệ thống điện (chi tiết: dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, vệ tinh);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: cho thuê trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 308 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 313 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### 2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### 2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

### 2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Tài sản cố định khác	3 năm
Phần mềm	3 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này cũng như các loại tài sản cố định khác sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 2.12 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### 2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về khoản doanh thu tương ứng với dịch vụ sẽ được cung cấp cho khách hàng. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

### 2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh: kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

#### (a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

#### (b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

### 2.17 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### (b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.19 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí hoa hồng, môi giới, tiếp thị và quảng cáo.

**2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

**2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.23 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

### 2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.25 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh/khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	1.090.352.771	848.603.896
Tiền gửi ngân hàng	9.165.817.724	8.476.683.083
Các khoản tương đương tiền (*)	4.265.000.000	20.255.000.000
	<u>14.521.170.495</u>	<u>29.580.286.979</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,0% - 5,0%/năm (2016: từ 4,0% - 5,6%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không nắm giữ khoản tiền và tương đương tiền nào có gốc ngoại tệ.

**4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	71.500.000.000	71.500.000.000	44.000.000.000	44.000.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng bằng đồng Việt Nam và hưởng lãi suất 5,5% - 5,7%/năm (2016: 5,5% - 5,7%/năm).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**Mẫu số B 09 – DN**

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Bên thứ ba (*)	2.831.616.827	2.611.584.007
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	8.019.543.751	4.426.925.679
	<u>10.851.160.578</u>	<u>7.038.509.686</u>

(\*) Chi tiết cho các khoản phải thu ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu ngắn hạn khách hàng như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Khách hàng lẻ	<u>2.441.393.258</u>	<u>2.611.584.007</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán là 2.441.393.258 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 6.

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Số ngày quá hạn Ngày</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>				
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	<u>2.441.393.258</u>	<u>-</u>	<u>(2.441.393.258)</u>	<u>Trên 365 Ngày</u>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Nguyên vật liệu tồn kho	15.385.843.835	24.879.834.281
Công cụ, dụng cụ	452.373.811	387.886.392
	<u>15.838.217.646</u>	<u>25.267.720.673</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, không có khoản dự phòng nào lập cho hàng tồn kho.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

### 8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	8.683.527.273	273.076.463.368	636.129.091	729.169.55
Mua trong năm	-	6.163.565.000	-	-
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 9)	-	60.404.118.448	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>8.683.527.273</u>	<u>339.644.146.816</u>	<u>636.129.091</u>	<u>729.169.55</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	(1.649.870.187)	(175.552.585.486)	(106.021.512)	(561.771.75
Khấu hao trong năm	(347.341.092)	(32.245.862.690)	(106.021.512)	(80.854.59
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>(1.997.211.279)</u>	<u>(207.798.448.176)</u>	<u>(212.043.024)</u>	<u>(642.626.35</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>7.033.657.086</u>	<u>97.523.877.882</u>	<u>530.107.579</u>	<u>167.397.79</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>6.686.315.994</u>	<u>131.845.698.640</u>	<u>424.086.067</u>	<u>86.543.19</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6.686.315.994 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 151.880.257.616 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Mẫu số B 09 – DN

**9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Mạng cáp đồng trục VTVC Quận Thủ Đức	22.607.679.008	18.682.226.583
Nâng cấp và cải tạo mạng truyền hình cáp khu vực Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	-	6.813.850.338
Cải tạo tuyến cáp quang Nam Bình Chánh	-	6.098.511.086
Thi công cải tạo mạng quang và Headend	-	5.132.285.717
Các công trình khác	7.545.511.723	15.280.787.224
	<u>30.153.190.731</u>	<u>52.007.660.948</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	52.007.660.948	46.181.501.512
Tăng trong năm	38.549.648.231	76.630.380.712
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	(60.404.118.448)	(70.804.221.276)
Số dư cuối năm	<u>30.153.190.731</u>	<u>52.007.660.948</u>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Công cụ, dụng cụ	4.800.922.406	6.918.502.268
Khác	70.710.048	82.808.664
	<u>4.871.632.454</u>	<u>7.001.310.932</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	7.001.310.932	1.950.795.110
Tăng trong năm	7.111.606.315	11.151.487.306
Phân bổ trong năm	(9.241.284.793)	(6.100.971.484)
Số dư cuối năm	<u>4.871.632.454</u>	<u>7.001.310.932</u>



**13 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện số tiền khách hàng trả trước cho chi phí sử dụng dịch vụ truyền hình cáp từ 3 đến 12 tháng.

**14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Ký quỹ của nhân viên	2.558.756.349	1.714.400.000
Khác	901.102.440	1.365.625.431
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	17.850.000.000	-
Khác	-	505.051.446
	<u>21.309.858.789</u>	<u>3.585.076.877</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông**

	2017 VND	2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	10.500.000	10.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.500.000	10.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.500.000	10.500.000

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	5.355.000	51,00	5.355.000	51,00
Bà Phạm Thị Kim Chung	1.365.000	13,00	1.365.000	13,00
Viet Thanh Cable Investment Limited Company	1.312.500	12,50	1.312.500	12,50
Ông Phạm Công Tú	1.299.400	12,38	1.299.400	12,38
Ông Phạm Tiến Hiệp	972.500	9,26	972.500	9,26
Cổ đông khác	195.600	1,86	195.600	1,86
	<u>10.500.000</u>	<u>100,00</u>	<u>10.500.000</u>	<u>100,00</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Mẫu số B 09 – DN

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu thường VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 và 31 tháng 12 năm 2016	<u>10.500.000</u>	<u>105.000.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>10.500.000</u>	<u>105.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.



40  
37  
H  
N  
50



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận c
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	42.000.000.000	64.232.634.424	
Vốn tăng trong năm	63.000.000.000	(63.000.000.000)	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	57.467.430.278	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	
Chia cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>105.000.000.000</b>	<b>58.700.064.702</b>	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	38.553.238.911	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017 (*)	-	-	
Thù lao tháng 13 năm 2016 Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	
Chia cổ tức năm 2016 (Thuyết minh 17) (**)	-	-	
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 (Thuyết minh 17 và Thuyết minh 26(a)) (***)	-	-	
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>105.000.000.000</b>	<b>97.253.303.613</b>	

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng đã trích 2.000.000.000 đồng cho quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát số tiền lần lượt là 38.553.238.911 đồng, 2.000.000.000 đồng và 1.235.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, công ty đã trích 2.000.000.000 đồng cho quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

- (\*\*) Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt việc chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông của Công ty từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền 17.902.500.000 đồng và đã tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông vào các ngày 17 và 22 tháng 5 năm 2017.
- (\*\*\*) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 12/2017/HDQT-CNVT ngày 1 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 12/2017/HDQT-CNVT ngày 1 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc chi trả cổ tức đợt 1 bằng tiền cho các cổ đông của Công ty từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền 17.850.000.000 đồng và đã tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông vào các ngày 30 tháng 1 năm 2018 và 1 và 6 tháng 2 năm 2018.

**17 CỔ TỨC**

**Cổ tức phải trả:**

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả trong năm	35.752.500.000	32.634.770.149
Cổ tức đã chi trả bằng tiền trong năm (Thuyết minh 26(a))	(17.902.500.000)	(32.634.770.149)
Số dư cuối năm	<u>17.850.000.000</u>	<u>-</u>

**18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2017	2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	51.176.061.530	59.690.738.911
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.714.706.920)	(1.280.337.415)
	<u>49.461.354.610</u>	<u>58.410.401.496</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	10.500.000	6.046.849
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>4.711</u>	<u>9.660</u>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho 2017 được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2016 cho quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3,35% (2016: 2,14%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**Mẫu số B 09 – DN**

**19 DOANH THU THUẦN**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản	61.995.291.106	59.034.833.187
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp	57.549.411.475	69.015.055.442
Doanh thu dịch vụ internet	23.485.345.709	14.363.842.566
Doanh thu dịch vụ SD, HD, K+	1.233.126.947	1.808.911.561
Doanh thu bán vật tư	278.254.227	448.310.452
Doanh thu hòa mạng	59.056.364	80.991.818
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	15.707.026.404	15.809.519.180
	<u>160.307.512.232</u>	<u>160.561.464.206</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm giá dịch vụ	-	(600.600.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>160.307.512.232</u>	<u>159.960.864.206</u>

**20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	74.679.046.962	66.606.155.116
Giá vốn hàng bán	8.437.048.644	6.436.051.546
Giá vốn cho thuê tài sản	5.571.023.212	5.149.787.118
	<u>88.687.118.818</u>	<u>78.191.993.780</u>

**21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>3.291.060.737</u>	<u>3.867.646.690</u>

**22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.442.958.049	4.117.640.466
Chi phí thuê văn phòng	2.210.213.484	2.195.999.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	623.684.635	760.612.405
Chi phí khác	2.677.363.377	3.124.714.415
	<u>9.954.219.545</u>	<u>10.198.967.132</u>

**23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.001.865.353	74.613.423.639
Thuế tính ở thuế suất 20%	12.800.373.071	14.922.684.728
Chi phí không được trừ	25.430.752	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>12.825.803.823</u>	<u>14.922.684.728</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	12.825.803.823	14.922.684.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
	<u>12.825.803.823</u>	<u>14.922.684.728</u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	48.143.753.370	34.691.636.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.780.079.890	21.413.106.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.210.429.527	22.653.269.997
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.957.431.856	8.018.970.984
Các chi phí khác bằng tiền	2.686.052.550	2.939.153.065
	<u>99.777.747.193</u>	<u>89.716.137.081</u>

**25 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là ngành viễn thông và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**Mẫu số B 09 – DN**

**26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam do nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>i) Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty mẹ	97.677.169.010	85.417.011.843
<b>ii) Chi phí thuê văn phòng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt – công ty được sở hữu bởi một cổ đông	2.028.123.880	1.943.046.240
Ông Phạm Tiến Hiệp – cổ đông	336.000.000	336.000.000
Bà Phạm Thị Kim Chung – cổ đông	192.000.000	192.000.000
	<u>2.556.123.880</u>	<u>2.471.046.240</u>
<b>iii) Các giao dịch khác với Công ty mẹ</b>		
Mua vật tư	-	7.002.272.728
Mượn nguyên vật liệu	-	6.344.570.468
Phí dịch vụ	-	4.203.372.763
Chi phí vật tư lắp đặt	40.706.071	3.952.783.399
Chi phí thuê thiết bị	-	2.689.218.000
Dịch vụ quản lý công tác tài chính, kỹ thuật	523.636.368	512.727.276
	<u>564.342.439</u>	<u>24.704.944.634</u>
<b>iv) Cổ tức đã trả (Thuyết minh 17)</b>		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam Viet Thanh Cable Investment Limited Company	9.130.275.000	16.643.732.776
Ông Phạm Công Tú	2.237.812.500	4.079.250.000
Bà Phạm Thị Kim Chung	2.215.477.000	4.038.535.200
Bà Phạm Thị Kim Chung	2.327.325.000	4.242.420.000
Ông Phạm Tiến Hiệp	1.658.112.500	3.022.530.000
Cổ đông khác	333.498.000	608.302.173
	<u>17.902.500.000</u>	<u>32.634.770.149</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 09 – DN

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
<b>v) Tạm ứng cổ tức (Thuyết minh 16)</b>		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	9.103.500.000	-
Các cổ đông khác	8.746.500.000	-
	<u>17.850.000.000</u>	<u>-</u>
<b>vi) Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương và thưởng của Ban Giám đốc</b>		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.235.000.000	1.140.000.000
Lương và thưởng của Ban Giám đốc	648.117.164	648.162.148
	<u>1.883.117.164</u>	<u>1.788.162.148</u>

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	2017 VND	2016 VND
<b>i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty mẹ	8.019.543.751	4.426.925.679
	<u>8.019.543.751</u>	<u>4.426.925.679</u>
<b>ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)</b>		
Công ty mẹ	918.894.512	242.078.513
	<u>918.894.512</u>	<u>242.078.513</u>
<b>iii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14)</b>		
Cổ tức phải trả Công ty mẹ	9.103.500.000	-
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	8.746.500.000	-
Phải trả khác cho Công ty mẹ	-	505.051.446
	<u>17.850.000.000</u>	<u>505.051.446</u>
<b>iv) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty mẹ	-	2.310.416.562
	<u>-</u>	<u>2.310.416.562</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Mẫu số B 09 – DN

**27 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	2017 VND	2016 VND
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	-	63.000.000.000

**28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty sẽ trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động văn phòng và kho không hủy ngang như sau:

	2017 VND	2016 VND
Năm đầu tiên	2.812.957.728	2.734.734.394
Bốn năm tiếp theo	2.206.448.100	4.434.308.019
Từ năm thứ sáu đến năm thứ chín	802.800.000	1.131.300.000
Tổng thanh toán tối thiểu	5.822.205.828	8.300.342.413

**29 CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty sẽ được hưởng mức cho thuê tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê thiết bị không hủy ngang như sau:

	2017 VND	2016 VND
Năm đầu tiên	46.620.000.000	46.620.000.000
Bốn năm tiếp theo	186.480.000.000	186.480.000.000
Từ năm thứ sáu đến năm thứ chín	128.205.000.000	186.480.000.000
Tổng thanh toán nhận được tối thiểu	361.305.000.000	419.580.000.000

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 22 tháng 3 năm 2018.


Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập

Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởngPhạm Tiến Hiệp  
Giám đốc